



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐVPCNCLQG
ngày tháng 07 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thử nghiệm – Ban Đảm Bảo Chất Lượng Nhà Máy Sữa Bình Định
Laboratory: *Quality Assurance Department – Binh Dinh Dairy Plant*

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Sữa Việt Nam – Nhà Máy Sữa Bình Định
Organization: *Viet Nam Dairy Products joint Stock Company - Binh Dinh Dairy Plant*

Số hiệu/ Code: VILAS 422

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực : Hoá, Sinh
Field: *Chemical, Biological*

Người quản lý: Huỳnh Thị Ngọc Hà
Laboratory manager:

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày /07/2024 đến ngày 20/07/2030

Địa chỉ: Số 87 đường Hoàng Văn Thụ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai
Address: *87 Hoang Van Thu Street, Quy Nhon Nam Ward, Gia Lai province*

Địa điểm: Số 87 đường Hoàng Văn Thụ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai
Location: *87 Hoang Van Thu Street, Quy Nhon Nam Ward, Gia Lai province*

Điện thoại/ Tel: 0256. 6253 555

Email: nmbd@vinamilk.com.vn

Website: www.vinamilk.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 422****Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Sữa và sản phẩm sữa. <i>Milk and milk products</i>	Xác định hàm lượng chất khô tổng số Phương pháp chuẩn <i>Determination of total solids content Reference method</i>	(8 ~ 40) % m/m	TCVN 8082:2013 (ISO 6731:2010)
2.	Sữa chua <i>Yogurt</i>	Xác định hàm lượng chất khô tổng số Phương pháp chuẩn <i>Determination of total solids content Reference method</i>	(9.9 ~ 27) % m/m	TCVN 8176:2009 (ISO 13580:2005)
3.	Sữa và sản phẩm sữa. <i>Milk and milk products</i>	Xác định hàm lượng Nitơ Phần 1: Nguyên tắc Kjeldahl và tính Protein thô <i>Determination of nitrogen content Part 1: Kjeldahl principle and crude protein calculation</i>	(0.7 ~ 6.2) % m/m	TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1:2014)
4.	Sữa đặc có đường <i>Sweetened condensed milk</i>	Xác định hàm lượng chất khô tổng số <i>Determination of total solids content</i>	(60 ~ 90) % m/m	TCVN 8081:2013 (ISO 6734:2010)
5.	Sữa và sản phẩm sữa <i>Milk and milk products</i>	Xác định hàm lượng chất béo Phương pháp khối lượng <i>Determination of fat content Gravimetric method</i>	(0.25 ~ 14) % m/m	ISO 23318:2022
6.	Sữa đặc <i>Condensed milk</i>	Xác định độ axit Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of titratable acidity Titration method</i>	(6 ~ 55) T	TCVN 8080: 2009
7.	Sữa đặc có đường <i>Sweetened condensed milk</i>	Xác định hàm lượng sucroza Phương pháp đo phân cực <i>Determination of sucrose content Polarimetric method</i>	(30 ~ 55) % m/m	TCVN 5536:2007 (ISO 2911:2004)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 422

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Sữa và sản phẩm sữa <i>Milk and milk products</i>	Định lượng vi sinh vật Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật đổ đĩa <i>Enumeration of microorganisms Colony count at 30°C by the pour plate technique</i>		TCVN 4884-1:2015
2.	Sữa và sản phẩm sữa <i>Milk and milk products</i>	Định lượng Coliform Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of coliforms Colony count technique</i>		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
3.	Sữa và sản phẩm sữa <i>Milk and milk products.</i>	Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44 °C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indolyl β -D-glucuronid. <i>Enumeration of β-glucuronidase-positive Escherichia coli – Colony-count technique at 44°C using 5-bromo-4-chloro-3-indolyl β-D-glucuronide</i>		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4.	Sữa và sản phẩm sữa <i>Milk and milk products.</i>	Phát hiện <i>Salmonella</i> spp. <i>Detection of Salmonella spp.</i>	eLOD50:	TCVN 10780-1:2017
5.	Sữa và sản phẩm sữa <i>Milk and milk products</i>	Định lượng <i>Enterobacteriaceae</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Enterobacteriaceae Colony count technique</i>		ISO 21528-2:2017
6.	Sữa và sản phẩm sữa <i>Milk and milk products</i>	Định lượng đơn vị hình thành khuẩn lạc từ nấm men và/ hoặc nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 25 °C <i>Enumeration of colony forming units of yeasts and/or moulds Colony count technique at 25 °C</i>		TCVN 6265:2007 (ISO 6611:2004)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 422**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
7.	Sữa và sản phẩm sữa. <i>Milk and milk products</i>	Định lượng staphylococci có phản ứng dương tính coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) <i>Enumeration of coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species</i>		ISO 6888-1:2023
8.	Sữa và sản phẩm sữa. <i>Milk and milk products</i>	Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Clostridium Perfringens Colony-count technique</i>		ISO 15213-2:2023

Ghi chú/Note:

Trường hợp Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Sữa Việt Nam – Nhà Máy Sữa Bình Định cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Sữa Việt Nam – Nhà Máy Sữa Bình Định phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *If It is mandatory for Viet Nam Dairy Products joint Stock Company - Binh Dinh Dairy Plant that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

